

Bản án số: **06/2025/HS-ST**
Ngày: 10/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Nhó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Nguyễn Thiên B; sinh ngày 30 tháng 11 năm 2003 tại Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 318 T H, tổ 25, phường H M, quận L C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hữu T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T; sinh ngày 29 tháng 5 năm 2003 tại Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 03, phường T G, quận T K, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Tổ 14 phường T K T, quận T K, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Nguyễn Phú Q, sinh năm: 1974 và bà Dương Thị H, sinh năm: 1974; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

- Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1982, trú tại: Số 150 B S, phường Hòa An, quận C L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Anh Hồ Anh T, sinh năm 1983; Trú tại: 202/5 đường B V, phường H P, quận C L, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Anh Trần Vi T, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn X P, xã H S, huyện H V, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đinh Thị Thùy V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 36, phường T K T, quận T K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Chị Hồ Thị E, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ 36, phường T K T, quận T K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1977; Địa chỉ: 74 Y K, phường T K T, quận T K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông Phạm Hữu T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ 25, phường H M, quận L C thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Anh Lê Hữu Hoàng A, sinh năm 2003; Địa chỉ: 74 Y K 1, phường T K T, quận T K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Ông Lê Hữu T, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 27, phường T K T, quận T K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/6/2024 Phạm Nguyễn Thiên B và Nguyễn Văn T bàn bạc với nhau về việc trộm cắp tài sản. Cả hai thống nhất chờ đến đêm khuya sẽ điều khiển xe mô tô đi dạo quanh địa bàn quận Cẩm Lệ tìm kiếm các kho bãi tập kết sắt thép công trình cũ của các cơ sở gia công sắt trên địa bàn quận Cẩm Lệ, trộm cắp sắt thép và chuyển đi nơi khác cất giấu, chờ đến sáng thì vận chuyển đi tiêu thụ. Khoảng 00 giờ 05 phút

ngày 15/6/2024, B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner màu đen, biển kiểm soát 43D2-014.52 chở T đi từ nhà tại phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu sang địa bàn phường Hoà An, quận Cẩm Lệ tìm kiếm các kho bãi sắt thép để trộm cắp. Khi đến bãi đất trống trên đường Phan Khoang, phường Hòa An, nhìn thấy nhiều đoạn trụ sắt ăng-ten của anh Nguyễn Ngọc N đang để tại đây và không có người trông giữ. B và T dừng xe, cùng đi vào trong vác 01 đoạn trụ sắt ăng-ten vuông có kích thước cạnh 30cm - dài 03m; 01 đoạn trụ sắt ăng-ten tam giác có kích thước cạnh 45cm - dài 03m, gác lên xe mô tô rồi cả hai chở về bãi đất trống thuộc tổ 01, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu để cất giấu. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, B lấy xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đỏ trắng biển kiểm soát 43F1-114.70 chở T đến tiệm phế liệu tại khu vực ngã tư đường Kinh Dương Vương - Trần Anh Tông thuộc phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê của chị Đinh Thị Thùy V mượn 01 xe bò. Sau đó, cả hai dùng xe mô tô kéo xe bò đến vị trí cất giấu 02 đoạn trụ sắt ăng-ten rồi vận chuyển 02 trụ sắt này quay lại tiệm của chị V để bán nhưng bị Công an phường Hoà An phát hiện, thu giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS, ngày 30/07/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Cẩm Lệ, xác định tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.782.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, trước khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, B và T cùng với Lê Hữu Hoàng A còn bàn bạc với nhau thực hiện 06 lần trộm cắp sắt thép phế liệu trong các ngày khác nhau, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 28/5/2024, tại bãi đất trống đối diện số 141 Hồ Sỹ Dương, phường Hoà Phát, quận Cẩm Lệ, B, T, Anh lấy trộm 04 cây trụ sắt vuông kích thước (30cmx30cmx2m) có trị giá là 974.400 đồng. Tài sản trộm cắp bán tại cửa hàng phế liệu của ông Lê Hữu Thạnh, địa chỉ số 42 đường Nguyễn Văn Huê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng với giá 600.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ ngày 02/6/2024, tại bãi đất trống đối diện số 141 Hồ Sỹ D, B, T và Hoàng A lấy trộm 3 cây trụ sắt vuông loại tròn hàn thành khối, kích thước (30cmx30cmx3m), có trị giá là 939.600 đồng. Tài sản trộm cắp bán được 600.000đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ, ngày 05/6/2024, tại bãi đất trống đối diện số 141 Hồ Sỹ Dương, B, T và Hoàng A lấy trộm 02 cây trụ sắt vuông loại tròn, hàn thành khối, kích thước (30cmx30cmx1m) và 04 cây trụ sắt vuông loại tròn, hàn thành khối, kích

thước (30cmx30cmx2m), có tổng trị giá là 1.322.400 đồng. Tài sản trộm cắp bán được 1.200.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 00 giờ, ngày 09/6/2024, tại bãi đất trống đối diện số 141 Hồ Sỹ Dương, B và T lấy trộm 04 cây trụ sắt vuông loại tròn hàn thành khối, kích thước (30cmx30cmx2m) và 02 khung sắt kích thước (01x02)m gồm 05 cây sắt hộp loại (3cmx6cmx1,4ly) trong đó 02 cây dài 2m và 03 cây dài 1m có tổng trị giá là 1.200.600 đồng. Tài sản trộm cắp bán được 750.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 00 giờ, ngày 10/6/2024, tại bãi đất trống đối diện số 141 Hồ Sỹ Dương, B, T và Hoàng A lấy trộm 04 cây trụ sắt vuông loại tròn hàn thành khối, kích thước (30cmx30cmx2m), có trị giá là 974.400 đồng. Tài sản trộm cắp bán được 660.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ sáu: Khoảng 00 giờ, ngày 12/6/2024, tại bãi đất trống bên cạnh đường Đinh Liệt và Trần Đình Nam, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, B, T và Hoàng A lấy trộm 01 khung cửa sắt loại hai lá, kích thước (2,5x2,8)m làm từ thanh sắt hộp (20x40)mm bên trong đan kín bằng các thanh kim sắt hộp (20x20)mm và 01 trụ sắt dài 4m, phi 114mm, có tổng trị giá là 287.000 đồng. Tài sản trộm cắp bán được 260.000đồng chia nhau tiêu xài hết.

Tuy nhiên, giá trị tài sản mà các đối tượng trộm cắp trong 6 lần này, mỗi lần đều dưới 2.000.000 đồng; các đối tượng đều không có tiền án, tiền sự; hành vi của các đối tượng không thuộc các trường hợp phạm tội liên tục. Do đó chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra đã chuyển xử lý hành chính là có căn cứ.

Về tang vật tạm giữ và xử lý: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đỏ biển kiểm soát 43F1-114.70 là của ông Phạm Hữu T và chiếc xe mô tô hiệu Honda SH mode màu bạc biển kiểm soát 43D1-850.21 là của bà Phạm Thị Kim T. Ông Phạm Hữu T và bà Phạm Thị Kim T khi giao xe cho B và Hoàng A mượn sử dụng nhưng không biết việc các đối tượng sử dụng mục đích trái pháp luật, nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với chiếc xe bò là của chị Đinh Thị Thùy V, chị V cho các đối tượng mượn xe và không biết các đối tượng dùng vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị V là có căn cứ.

Đối với 01 đoạn trụ sắt ăng-ten vuông, cạnh 30cm, dài 03m và 01 đoạn trụ sắt ăng-ten tam giác, cạnh 45cm, dài 03m là của anh Nguyễn Ngọc N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh N là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Winner màu đen, biển kiểm soát: 43D2- 014.52 là của Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên đề nghị tịch thu sung công quỹ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T và Phạm Nguyễn Thiên B đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu qua điều tra đã thu thập.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSCL ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Phạm Nguyễn Thiên B và Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ thực hiện quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Nguyễn Thiên B, Nguyễn Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Thiên B từ 9 - 15 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 9 - 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với chiếc xe mô tô hiệu Winner màu đen, biển kiểm soát: 43D2- 014.52 là của Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong nên không đề cập đến.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự).

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Nguyễn Thiên B: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Nguyễn Thiên B, Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 05 phút ngày 15/6/2024, tại bãi đất trống nằm trên đường Phan Khoang, thuộc phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, Phạm Nguyễn Thiên B và Nguyễn Văn T đã cùng nhau phân công, bàn bạc trộm cắp 02 trụ ăng-ten bằng sắt của anh Nguyễn Ngọc N với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.782.000 đồng. Hành vi trên của Phạm Nguyễn Thiên B và Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", thuộc trường hợp "Có tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 04/CT-VKSCL ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo liều lĩnh, xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Chỉ trong một thời gian ngắn từ tháng 5 cho đến tháng 6 năm 2024 các bị cáo đã liên tục 6 lần trộm cắp tài sản. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, chuẩn bị phương tiện phạm tội, có kế hoạch tiêu thụ tài sản sau khi đã trộm cắp được tài sản. Do đó hành vi của các bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Đồng thời răn đe cho những ai có hành vi tương tự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án này khi thực hiện trộm cắp các bị cáo bàn bạc, phân công nhiệm vụ lẫn nhau, bị cáo B là người rủ rê khởi xướng, khi đến gần tài sản thì bị cáo B là người trực tiếp vào lấy tài sản; bị cáo T đứng ngoài canh giới. Do đó, bị cáo B thực hiện vai trò thực hành tích cực hơn bị cáo T. Gia đình bị cáo T có công với

cách mạng, bản thân T hiện đang là sinh viên đang theo học tại Trường Đại học Kiến trúc. Do vậy khi cân nhắc mức hình phạt thì mức hình phạt của bị cáo B phải cao hơn bị cáo T. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: mô tô hiệu Winner màu đen, biển kiểm soát: 43D2-014.52 là của Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo và người bị hại đã tự thoả thuận bồi thường xong nên hội đồng xét xử thấy phù hợp nên không đề cập đến.

[7] Các vấn đề khác: Đối với Lê Hữu Hoàng A đã cùng với bị cáo B và T còn bàn bạc với nhau thực hiện 06 lần trộm cắp sắt thép phế liệu. Tuy nhiên, giá trị tài sản mà Lê Hữu Hoàng A trộm cắp trong 6 lần này, mỗi lần đều dưới 2.000.000đồng; Lê Hữu Hoàng A không có tiền án, tiền sự; hành vi của Hoàng A không thuộc các trường hợp phạm tội liên tục. Do đó chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra đã chuyển xử lý hành chính là có căn cứ.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Phạm Nguyễn Thiên B và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào: điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Nguyễn Thiên B 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ vào: điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp vào Ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Winner màu đen, biển kiểm soát: 43D2- 014.52 của bị cáo Nguyễn Văn T (Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Cẩm Lệ và Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Nguyễn Thiên B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- CQCSĐT Công an quận Cẩm Lệ;
- CCTHADS quận Cẩm Lệ;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Nhó

